TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 492/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

** Bị đơn*: Anh Chu Ngọc Đại H1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày*: Chị và anh Chu Ngọc Đại H1 có thời gian tìm hiểu hơn 01 năm và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà chồng được 01 năm, sau đó vợ chồng mua đất cất nhà ở riêng, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 chơi cờ bạc, bầu cua gây nợ nần, vợ chồng làm có bao nhiêu phải dồn hết vào trả nợ cờ bạc cho anh H1, chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H1 không chịu thay đổi. Khoảng giữa năm 2019 chị nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn thì anh H1 năn nỉ và hứa sẽ thay đổi nên chị rút đơn ly hôn. Sau khi chị rút đơn ly hôn thì anh H1 lại tiếp tục chơi cờ bạc, từ tháng 12 năm 2019 đến nay anh H1 ít khi về nhà, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau và chung sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Chu Ngọc Đại H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người tên Chu Gia H2 sinh ngày 30.7.2008 và Chu Gia B sinh ngày 15.8.2014 hiện đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2 và cháu B, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cho gia đình anh Chu Ngọc Đại H1 nhưng anh H1 không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 53, 54, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Chu Ngọc Đại H1.

- Về con chung: Giao 02 con Chu Gia H2 và Chu Gia B cho chị Lê Thị Thùy D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

2. Về án phí: Buộc thực hiện theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Chu Ngọc Đại H1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng chị D và anh H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D và anh Chu Ngọc Đại H1 có thời gian tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc cả hai anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình anh Chu Ngọc Đại H1; mặc khác Tòa án cũng thông báo trực tiếp qua điện thoại với anh H1 để anh H1 đến Tòa trình bày ý kiến yêu cầu của mình nhưng anh Chu Ngọc Đại H1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến yêu cầu, điều này thể hiện anh H1 không có thiện chí cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Ngoài ra trong thời gian sống ly thân giữa chị D và anh H1 cũng không có biện pháp tích cực để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng; chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh H1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy D đối với anh Chu Ngọc Đại H1.

[2.2] Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có 02 người con là Chu Gia H2 sinh ngày 30.7.2008 và Chu Gia B sinh ngày 15.8.2014, chị D yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con. Mặc dù không có lời khai của anh H1 nhưng căn cứ vào các chứng cứ do chị D cung cấp, đủ cơ sở xác định vợ chồng chị D, anh H1 có 02 người con đúng như chị D đã trình bày. Xét yêu cầu nuôi con của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lúc vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai người con, do đó để ổn định môi trường sống cũng như đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị D giao hai người con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Chu Ngọc Đại H1.

2- Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao 02 người con tên Chu Gia H2 sinh ngày 30.7.2008 và Chu Gia B sinh ngày 15.8.2014 cho chị Lê Thị Thùy D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi hai người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thùy D không yêu cầu giải quyết.

5- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005478 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

6- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
(GCNKH số)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, lưu án văn

Trần Thị Mỹ Lệ